

Bản án số: 04/2022/KDTM-PT.
Ngày: 30-6-2022.
V/v tranh chấp về góp vốn đầu tư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Xuân Liêm**;
Ông **Võ Minh Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Ngôn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Ông **Huỳnh Văn Hảo** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp về góp vốn đầu tư”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2022/QĐXXPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn C;

Địa chỉ trụ sở: đường P, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Mizoguchi S, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Doãn H, sinh năm 1983 và ông Hoàng Trọng T, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: Số 05 N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông H có mặt, ông T vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K;

Địa chỉ: khối H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: bà Nguyễn Kim V, chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1979; địa chỉ: K8/05 đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông Lê Công H, sinh năm 1976; địa chỉ: phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/7/2014, Công ty Trách nhiệm hữu hạn C (gọi tắt là Công ty C) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K (gọi tắt là Công ty K) đã ký hợp đồng vay tiền. Theo đó, nội dung thỏa thuận: Công ty C cho Công ty K vay số tiền 20.000.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam để trả một phần khoản nợ của Công ty K với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế V (V), lãi vay 8,0%/năm tính trên giá trị khoản vay gốc và tiền lãi được trả hàng tháng. Thời hạn của hợp đồng vay đến thời điểm Công ty C với Công ty K ký kết xong Hợp đồng góp vốn, thời hạn dự kiến thực hiện ký kết hợp đồng góp vốn đến hết ngày 30/9/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã chuyển vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam số tiền 20.000.000.000 đồng để trả nợ cho Công ty K; tuy nhiên, từ đó đến nay hai Công ty cũng chưa ký xong hợp đồng góp vốn, mặc dù hai bên đã nhiều lần ký phụ lục hợp đồng để gia hạn thời hạn góp vốn. Theo phụ lục hợp đồng ký kết lần sau cùng vào ngày 31/12/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong hợp đồng vay tiền ký kết ngày 01/7/2014 thì giữa Công ty C và Công ty K thỏa thuận gia hạn ký kết xong hợp đồng góp vốn đến hết ngày 30/6/2018, nhưng đến nay đã quá thời hạn trên hai Công ty vẫn không ký được hợp đồng góp vốn. Công ty C đã nhiều lần tạo điều kiện cho Công ty K thực hiện hợp đồng nhưng Công ty K vẫn không thực hiện. Thời gian gần đây, Công ty C đang gặp khó khăn về tài chính và đã nhiều lần yêu cầu Công ty K phải trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi đã vay nhưng Công ty K chỉ thanh toán tiền lãi và luôn viện cớ khó khăn để từ chối hoàn trả khoản nợ gốc. Đối với việc Công ty K cho rằng giữa hai Công ty không có quan hệ vay tiền mà bản chất của việc chuyển số tiền 20.000.000.000 để góp vốn là không đúng, vì trong các Công văn trao đổi thì Công ty K đều thừa nhận nợ gốc và trả lãi hàng tháng cho Công ty C, tại Biên bản hòa giải ở Tòa án ngày 10/11/2020 Công ty K cũng đồng ý nợ gốc và nợ lãi.

Tại đơn khởi kiện ban đầu, Công ty C yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 19.500.000.000 đồng và nợ lãi là 130.000.000 đồng (*lãi tạm tính đến ngày 19/01/2020*); tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Công ty K đã trả được một số tiền nợ gốc và lãi. Vì vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty C yêu cầu Công ty K phải trả số tiền nợ gốc và lãi đến thời điểm xét xử là 22.052.755.546 đồng, trong đó: nợ gốc 18.600.000.000 đồng, nợ lãi 3.452.755.546 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến gì khác.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Vào ngày 01/7/2014, do tin tưởng Công ty C được Nhà nước cho phép hoạt động dịch vụ tài chính nên Công ty K đã ký hợp đồng vay tiền với khoản tiền vay 20.000.000.000 đồng, lãi vay của hợp đồng là 8,0%/năm. Từ khi ký hợp đồng cho đến nay, dù doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty C liên tục thúc ép Công ty K trả tiền, đến nay Công ty K đã trả được cho Công ty C số tiền 9.132.601.456 đồng. Nhưng, hồ sơ khởi kiện ban đầu vẫn yêu cầu Công ty K trả số tiền nợ gốc là 19.500.000.000 đồng, đây là yêu cầu không đúng so với số tiền mà Công ty K đã trả cho Công ty C. Đồng thời, sau khi tiếp cận hồ sơ vụ án, Công ty K mới được biết trong Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp cho Công ty C thể hiện rõ Công ty C không được Nhà nước cho phép hoạt động kinh doanh cho vay lấy lãi. Do đó, việc ký kết hợp đồng vay tiền ngày 01/7/2014 là do Công ty K nhầm lẫn, nội dung của hợp đồng đã vi phạm điều cấm của pháp luật. Ngoài ra, ngày 31/12/2016 tuy chưa được sự ủy quyền của Công ty K nhưng ông Lê Đức Quang H và Công ty C tự ký kết phụ lục hợp đồng với nội dung thời gian kết thúc hợp đồng là ngày 30/6/2018. Vì vậy, hợp đồng vay tiền ngày 01/7/2014 và phụ lục hợp đồng không có đủ các điều kiện hiệu lực của giao dịch dân sự, cụ thể là mục đích, nội dung của hợp đồng vi phạm điều cấm của pháp luật và trái đạo đức xã hội nên yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Việc Công ty D - C chuyển số tiền 20.000.000.000 đồng là đặt cọc và có cam kết riêng với Ngân hàng V là sẽ thanh toán số tiền còn lại đến hết ngày 30/9/2014. Việc Công ty C không thực hiện cam kết trên là gây khó khăn cho Công ty K. Vì vậy, Công ty K không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Công ty C, Công ty K chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc còn lại cho Công ty C là 10.867.398.544 đồng (*20.000.000.000 đồng - 9.132.601.456 đồng*). Ngoài ra, Công ty K không có ý kiến gì khác.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”;

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C số tiền 22.052.755.546 đồng; trong đó: nợ gốc 18.600.000.000 đồng và nợ lãi 3.452.755.546 đồng (*lãi tính đến ngày 07/01/2022 và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng vay tiền ngày 01/7/2014*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ, cụ thể như sau:

- Thu thập các tài liệu, chứng cứ để xác định đầy đủ tư cách pháp lý của Công ty Cổ phần Kaze to D (*Nhật Bản*) trong mối quan hệ tranh chấp hợp đồng vay giữa Công ty C với Công ty K.

- Thu thập các tài liệu, chứng cứ thể hiện giữa Công ty K, Công ty Cổ phần Kaze to D (*Nhật Bản*) và Công ty C thỏa thuận số tiền 20.000.000.000 đồng do Công ty Cổ phần Kaze to D (*Nhật Bản*) đặt cọc tiền góp vốn vào Công ty K thành khoản tiền Công ty K vay của Công ty C vào thời điểm nào, quyền và nghĩa vụ của các bên ra sao nếu một trong các bên vi phạm hợp đồng.

- Thu thập các tài liệu, chứng cứ theo như lời khai của bị đơn liên quan đến tiến trình góp vốn giữa Công ty Cổ phần Kaze to D (*Nhật Bản*) với Công ty K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét thấy, tại Tòa án cấp phúc thẩm, Công ty K thừa nhận: ông Mizoguchi S - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kaze to D (*Nhật Bản*) là người trực tiếp đứng ra thỏa thuận việc góp vốn để trả khoản tiền nợ của Công ty K cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế V, nhưng thực chất là Công ty C góp vốn chứ không phải là Công ty Cổ phần Kaze to D (*Nhật Bản*) góp vốn, vì ông Mizoguchi S đồng thời cũng là Tổng Giám đốc Công ty C. Điều này phù hợp với chứng cứ chuyển số tiền 20.000.000.000 đồng của Công ty C

cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định không thể cung cấp được hồ sơ pháp lý của Công ty Cổ phần Kaze to D (*Nhật Bản*) và các bên cũng thừa nhận giữa Công ty Cổ phần Kaze to D (*Nhật Bản*), Công ty C và Công ty K không có thỏa thuận gì (*thỏa thuận 3 bên*) liên quan đến việc chuyển khoản tiền đặt cọc góp vốn vào Công ty K thành khoản tiền Công ty K vay của Công ty C. Do đó, không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K thì thấy:

[3.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là không chính xác. Bởi vì, theo như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: số tiền 20.000.000.000 đồng mà Công ty C chuyển cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam để trả cho khoản nợ của Công ty K đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế V thực chất là số tiền cam kết góp vốn của ông Mizoguchi S - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kaze to D (*Nhật Bản*), đồng thời cũng là Tổng Giám đốc Công ty C với Công ty K, chứ không phải là khoản tiền cho vay. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về góp vốn đầu tư”.

[3.2] Trên cơ sở Biên bản ghi nhớ góp vốn mua cổ phần tại Công ty K ngày 22/6/2014 giữa bà Nguyễn Kim V, ông Guigon G là chủ sở hữu L Resort (*Công ty K*) với ông Mizoguchi S là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kaze to D (*Nhật Bản*), đồng thời cũng là Tổng Giám đốc Công ty C; ngày 01/7/2014, Công ty C (*do ông Mizoguchi S làm Tổng Giám đốc*) ký kết “Hợp đồng vay tiền” cho Công ty K vay số tiền 20.000.000.000 đồng, với lãi suất 8,0%/năm và hợp đồng này có hiệu lực đến thời điểm hai bên ký kết xong hợp đồng góp vốn (*dự kiến là ngày 30/9/2014, sau đó gia hạn đến hết ngày 30/6/2018*). Thực chất, đây không phải là hợp đồng vay tài sản giữa các bên mà là thỏa thuận về việc chuyển số tiền cam kết góp vốn 20.000.000.000 đồng và tính tiền lãi phát sinh trên số tiền này, với mức lãi suất 8,0%/năm cho đến khi hai bên ký kết xong hợp đồng góp vốn. Đến ngày 02/7/2014, Công ty C đã chuyển số tiền 20.000.000.000 đồng theo thỏa thuận, vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam để trả khoản nợ của Công ty K đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế V. Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để khẳng định số tiền 20.000.000.000 đồng nêu trên không phải là khoản tiền Công ty C cho Công ty K vay mà là số tiền cam kết góp vốn của ông Mizoguchi S - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kaze to D (*Nhật Bản*), đồng thời cũng là Tổng Giám đốc Công ty C với Công ty K, được Công ty C chuyển khoản. Điều này hoàn toàn phù hợp với sự thừa nhận của Công ty K tại phiên tòa phúc thẩm.

[3.3] Xét thấy, việc thỏa thuận giữa Công ty C và Công ty K về việc chuyển số tiền cam kết góp vốn 20.000.000.000 đồng cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam để trả khoản nợ của Công ty K đối với Ngân hàng Thương

mại Cổ phần Quốc tế V và Công ty K phải trả tiền lãi đối với số tiền này, với mức lãi suất 8,0%/năm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hơn nữa, sau khi thỏa thuận, Công ty K đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi cho Công ty C đến tháng 10/2019 và cũng đã trả được số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng (*theo sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên hòa giải ngày 10/11/2020 tại Tòa án cấp sơ thẩm*). Công ty K thừa nhận, sau khi Công ty C chuyển số tiền 20.000.000.000 đồng cho đến nay, các bên vẫn chưa ký kết được hợp đồng góp vốn, do Công ty C yêu cầu được sở hữu 51% vốn điều lệ nhưng Công ty K không đồng ý. Và thực tế, do không ký kết được hợp đồng góp vốn nên Công ty K đã trả lại cho Công ty C được số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng theo sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn như đã nêu ở trên. Lẽ ra, sau khi các bên không ký kết được hợp đồng góp vốn, Công ty K phải có nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ số tiền 20.000.000.000 đồng cho Công ty C để tránh phát sinh tiền lãi theo thỏa thuận. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty K mới hoàn trả được số tiền gốc 1.400.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty K phải trả cho Công ty C số tiền gốc còn lại 18.600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm (07/01/2022) với số tiền 3.452.755.546 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Công ty K phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K, giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 38, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 275, 280, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 24 của Luật Đầu tư năm 2014; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K về việc “Tranh chấp về góp vốn đầu tư”;

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C số tiền 22.052.755.546 đồng (*Hai mươi hai tỷ không trăm năm mươi hai triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi sáu*) đồng; trong đó, nợ gốc:

18.600.000.000 đồng và nợ lãi: 3.452.755.546 đồng (lãi tính đến ngày 07/01/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 8,0%/năm.

Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K phải chịu số tiền là 130.052.000 (Một trăm ba mươi triệu không trăm năm mươi hai nghìn) đồng. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 63.815.000 (Sáu mươi ba triệu tám trăm mười lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002350 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K phải chịu số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000894 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (do ông Nguyễn Trọng T nộp), Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ du lịch - Xây dựng dân dụng - Trang trí nội thất và Thương mại K còn phải nộp tiếp số tiền là 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/6/2022).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND Tx. Điện Bàn;
- Chi cục THADS Tx. Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo